

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 396/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 09 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 56.000 con gà đẻ tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đầu tư Win House làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 56.000 con gà đẻ tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đầu tư Win House làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 17/CV-WH ngày 28/01/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 49/TTr-STNMT ngày 01/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 56.000 con gà đẻ

(sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Win House (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chỉ huy trưởng Chỉ huy Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch UBND xã Thanh An, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư Win House và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-13-QĐPD-04/02).



 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH
 Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng
Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 56.000 con gà đẻ
tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
do Công ty TNHH Đầu tư Win House làm chủ đầu tư
(Kèm theo Quyết định số~~396~~.../QĐ-UBND ngày ..09../..02../2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)**

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 56.000 con gà đẻ.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Đầu tư Win House

Công ty TNHH Đầu tư Win House được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0314451356 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/6/2017, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 20/9/2019.

Trụ sở chính: Số 01, đường số 09, khu phố 1, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Chiến, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 34.375,2 m² với quy mô 56.000 con gà đẻ.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi gà tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng:* Bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, cành và rễ; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công trên công trình; khí thải từ các hoạt động cơ khí; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi từ quá trình nhập thức ăn cho gà; mùi hôi từ quá trình chăn nuôi; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng khoảng 01 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất cát...

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng khoảng 02 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi*: Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 09 m³/lần vệ sinh; thành phần ô nhiễm gồm pH, TSS, COD, BOD₅, tổng nitơ, coliform, coli phân và salmonella.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng*: Lưu lượng khoảng 0,275 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là clo dư sau khi sát trùng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng khoảng 02 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Khí thải do quá trình sử dụng nhiên liệu xăng của xe cộ*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Bụi phát sinh do quá trình của xe cộ*: Lượng bụi phát sinh từ quá trình của xe cộ khoảng 0,193 g/s.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như CO, HC, NO_x, bụi.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh trong hoạt động này khoảng 0,9 mg/m³.

- *Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như CO, HC, NO_x, bụi.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện thi công trên công trường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Khí thải từ hoạt động cơ khí*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, xylen, toluene, benzen...

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO₂, CO.

- *Mùi phát sinh từ khu chăn nuôi, nhà để phân, hầm ủ xác và quá trình xử lý nước thải*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm chủ yếu như H₂S, NH₃, mercaptan...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Sinh khối phát sinh*: Khối lượng khoảng 453,67 tấn; thành phần chủ yếu là thân, lá, cành và rễ của cây điều.
- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh trong toàn bộ quá trình xây dựng khoảng 74,4 tấn, chủ yếu là phế thải xây dựng, sắt, thép vụn, bao bì đựng vật liệu...
- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 8,4 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Phân gà*: Lượng phân gà phát sinh khoảng 560 kg/ngày; thành phần phân gà chủ yếu gồm các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.
- *Gà chết không do dịch bệnh*: Phát sinh khoảng 75 kg – 125 kg/đợt nuôi; thành phần chủ yếu của xác gà chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.
- *Gà chết do bệnh thông thường*: Phát sinh khoảng 30 kg/đợt nuôi; thành phần chủ yếu của xác gà chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.
- *Tắm làm mát thải bỏ*: Phát sinh khoảng 77,76 kg/năm.
- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 8,4 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 225 kg, bao gồm các loại chất thải như dầu nhớt thải; giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, hóa chất; sơn thải; que hàn thải có các thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 399,37 kg/đợt nuôi, bao gồm các loại chất thải như giẻ lau, bao tay dính hóa chất, dầu mỡ thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu nhớt thải; chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); pin thải; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y, hóa chất); bao bì cứng thải bằng nhựa; chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom nước thải xây dựng vào hố lắng tạm, dung tích 03 m³ để lắng cặn, sau đó tái sử dụng cho việc tưới đường giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Xây dựng trước 02 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 03 m³/bể để sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng cho việc tưới đường giảm bụi; nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Bao gồm nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân và nước từ quá trình nấu ăn. Trong đó, nước thải từ quá trình sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về bể kỵ khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý; nước thải từ quá trình nấu ăn được thu gom về bể tách dầu (kích thước: 0,5 m x 0,5 m x 0,7 m; cấu tạo: bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm) sau đó về bể kỵ khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích là 03 m³/bể được bố trí tại nhà ở công nhân và nhà bảo vệ.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước sát trùng xe và người*: Thu gom về hồ sinh học của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi*: Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 15 m³/ngày.đêm với quy trình:

Nước sát trùng người và xe → Hồ sinh học; Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách dầu → Bể kỵ khí; Nước thải vệ sinh từng dãy chuồng → Bể kỵ khí → Hồ sinh học. Nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được tái sử dụng cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Thể tích/bể (m ³)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Bể kỵ khí	06 x 04 x 04	96	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Hồ sinh học	06 x 04 x 04	96	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ của cây:* Xe chuyên chở gỗ và sinh khối phải được che phủ kín; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa; trang bị khẩu trang, bao tay, nút bịt tai và các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ vận chuyển gỗ:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; lập lịch trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải để tránh gia tăng mật độ xe vào các thời gian cao điểm và giờ nghỉ của người dân; ưu tiên tuyển chọn công nhân từ nguồn nhân lực tại địa phương để giảm lượng công nhân tập trung tại lán trại....

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều) ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu; lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn trong quá trình triển khai thi công; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; phun xịt nước tại khu vực sân, khu vực đào đất; yêu cầu các phương tiện giảm tốc độ khi di chuyển trong khu vực thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý; huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của

Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:*
Xây dựng đường giao thông nội bộ riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực Trang trại; tưới nước thường xuyên các đường giao thông nội bộ; không nổ máy quá lâu trong khu vực Dự án, không chờ quá tải; điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe cùng thời điểm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí trong nhà đặt máy phát điện; lắp đặt ống khói cao vượt mái khoảng 02 m, đường kính khoảng 150 mm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình chăn nuôi:*

Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng, theo mô hình trại lạnh tiên tiến; bố trí quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng; bố trí 02 bên hông mỗi dãy chuồng trại các tấm làm mát (cooling pad) nhằm quản lý môi trường không khí, nhiệt độ, tốc độ gió trong chuồng nuôi cho phù hợp; luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; dùng chế phẩm EM pha với nước sạch, phun đều cho chuồng nuôi; trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi...

Khu vực hầm hủy xác: Bố trí khu vực hầm hủy xác biệt lập, xa khu vực chuồng trại; phun chế phẩm sinh học để hạn chế mùi phát sinh với tần suất 02 lần/ngày; trồng cây xanh xung quanh hầm hủy xác để hạn chế mùi.

Khu vực nhà để phân: Định kỳ phun chế phẩm sinh học với tần suất 01 lần/ngày để hạn chế mùi phát sinh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Môi trường không khí khu vực Dự án trong giai đoạn vận hành đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải từ máy phát điện dự phòng đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường ngoài.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Sinh khối phát sinh*: Cành cây và thân cây được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu; lá cây, rễ và thảm thực vật nhỏ được thu gom và chôn lấp trong khu vực Dự án để tăng chất dinh dưỡng cho đất.

- *Chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với lượng đất đào còn dư, đá, gạch thải... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng và thu hồi, định kỳ được Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Phân gà*: Sau mỗi ngày phân gà được thu gom bằng băng tải tự động, sau đó đóng bao và lưu chứa tại nhà để phân, diện tích 24 m², kết cấu: nền bê tông, tường xây gạch và mái lợp tôn; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Gà chết không do dịch bệnh*: Gà chết không do dịch bệnh được nấu chín và cho cá ăn. Cá được nuôi trong hồ nuôi cá, kích thước 10 m x 20 m x 04 m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE.

- *Gà chết do bệnh thông thường*: Được xử lý bằng hầm hủy xác. Chủ Dự án xây dựng hầm hủy xác có kích thước 03 m x 04 m x 04 m, kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm. Bên trong hầm hủy xác bố trí tổng cộng 10 hố hủy với đường kính 0,4 m, sâu 04 m, hình trụ đứng, mỗi hố có 01 nắp đậy kín, bề mặt các hố hủy có rắc vôi bột.

- *Gà chết do dịch bệnh*: Khi chủ Trang trại nghi ngờ gà chết không rõ nguyên nhân, gà chết do bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Bùn thải*: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom vào các thùng chứa rác, dung tích 60 lít đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Được thu gom, lưu trữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 04 m², kết cấu: nền bê tông, tường bao xây tô 02 mặt, mái lợp tôn và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân gà được xử lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 của Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu; quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 12 m² với kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong khu vực nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích 12 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô, mái lợp tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày

30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên theo dõi, bảo trì các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ nhập xuất gà và nguyên liệu lên, xuống xe...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất...

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra trước khi dùng cho tưới tiêu.
- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.
- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành:

5.3.1. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát*: 01 mẫu tại giếng khoan của Dự án.
- *Thông số giám sát*: pH, độ cứng, TDS, Cl⁻, Fe tổng, amoni, nitrat, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần
- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.2. Giám sát môi trường nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra trước khi dùng cho tưới tiêu.
- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.
- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-

BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.4. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực tiếp nhận nước thải sau xử lý để tưới tiêu và 01 điểm tại khu vực hủy xác gà.

- *Thông số giám sát:* As, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

5.3.5. Giám sát môi trường không khí trong khu vực chăn nuôi:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm sau quạt hút của chuồng trại và 01 điểm tại hầm hủy xác.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, SO₂, NO_x, H₂S, NH₃.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-15:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học. Phải bố trí hệ thống chuồng trại đảm bảo khoảng cách đến lưới điện cao thế theo đúng quy định.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi gà) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.5. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dây cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

6.6. Thực hiện phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.7. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.8. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 498/CV-UB ngày 18/11/2020 của UBND xã Thanh An về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án Xây dựng Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp đẻ, quy mô 56.000 con và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 17/11/2020 tại ấp Xa Cô, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.9. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.10. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.11. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.